Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9032.89.10

Mã HS	9032.89.10
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị điều chỉnh hoặc điều khiển tự động / - Dụng cụ và thiết bị khác: / - - Loại khác: / - - - Dụng cụ và thiết bị đi kèm hoặc hoạt động cùng với máy xử lý dữ liệu tự động, để điều chỉnh hoặc điều khiển tự động hệ thống đẩy, giữ thăng bằng hoặc xếp hàng hóa của tàu thuyền
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 21:48:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90328910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18257
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18257
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18257
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17585
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17514
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17514
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17514
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17514
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17514
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17514
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17570
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17570
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17570
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17570

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17570
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17570
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17571
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17571
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17571
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17571
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17571
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17571
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17576
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17532
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17528
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17528
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17528
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17528
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17528
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17528
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17574
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17574
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17574
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17574
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17574
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17574
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17636
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17636
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17636
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17636

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17636
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17636
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17614
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17614
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17614
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17614
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17614
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17614
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17607
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17607
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17607
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17607
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17607
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17607
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17637
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17637
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17637
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17637
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17637
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17637
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17636
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17636
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17636
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17636
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17636
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17636

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17730
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17730
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17730
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17730
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17730
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17730
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17730
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17599
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17599
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17599
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17599
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17599
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17599
RCEP B	2022	2022	0	B!D17599
RCEP B	2023	2023	0	B!E17599
RCEP B	2024	2024	0	B!F17599
RCEP B	2025	2025	0	B!G17599
RCEP B	2026	2026	0	B!H17599
RCEP B	2027	2027	0	B!I17599
RCEP C	2022	2022	0	C!D17597
RCEP C	2023	2023	0	C!E17597
RCEP C	2024	2024	0	C!F17597
RCEP C	2025	2025	0	C!G17597
RCEP C	2026	2026	0	C!H17597
RCEP C	2027	2027	0	C!I17597
RCEP D	2022	2022	0	D!D17596

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17596
RCEP D	2024	2024	0	D!F17596
RCEP D	2025	2025	0	D!G17596
RCEP D	2026	2026	0	D!H17596
RCEP D	2027	2027	0	D!I17596
RCEP E	2022	2022	0	E!D17600
RCEP E	2023	2023	0	E!E17600
RCEP E	2024	2024	0	E!F17600
RCEP E	2025	2025	0	E!G17600
RCEP E	2026	2026	0	E!H17600
RCEP E	2027	2027	0	E!I17600
RCEP F	2022	2022	0	F!D17599
RCEP F	2023	2023	0	F!E17599
RCEP F	2024	2024	0	F!F17599
RCEP F	2025	2025	0	F!G17599
RCEP F	2026	2026	0	F!H17599
RCEP F	2027	2027	0	F!I17599
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16501
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16501
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16501
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16501

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9032.89 có 5 dòng thuế; dòng 9032.89.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dụng cụ và thiết bị đi kèm hoặc hoạt động cùng với máy xử lý dữ liệu tự động, để điều chỉnh hoặc điều khiển tự động hệ thống đẩy, giữ thăng bằng hoặc xếp hàng hóa của tàu thuyền.	9032.89.20 Dụng cụ và thiết bị tự động để điều chỉnh hoặc điều khiển dung dịch hóa chất hoặc điện hóa trong sản xuất tấm mạch in/tấm dây in hoặc mạch in đã lắp ráp; 9032.89.31 Bộ điều chỉnh điện áp tự động (ổn áp); 9032.89.39 Loại khác; 9032.89.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9032.89.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9032.89.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18257), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.